

PHỤ LỤC 1:
CÁC CHỈ TIÊU KINH KẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU KẾ HOẠCH NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số: 1186/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Bình Chương)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	UTH Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	So với UTH năm 2025 (%)	Ghi chú
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ					
1	Tổng giá trị sản xuất	Tỷ đồng	952	984	103.4	
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	325	328	100.9	
-	Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	136	145.5	107.0	
-	Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	131	145.5	111.1	
-	Dịch vụ khác	Tỷ đồng	360	365	101.4	
2	Tốc độ tăng trưởng	%	7	7	100.0	
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	2	1-2	100.0	
-	Công nghiệp và xây dựng	%	7	7	100.0	
-	Thương mại - Dịch vụ	%	12	12	100.0	
*	Thu nhập bình quân đầu người	Tr.đồng/người /năm	58	60	103.4	
3	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Triệu đồng	8.705	923	10.6	
4	Tổng diện tích gieo trồng	ha	2.065	2.087	101.1	
-	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	8.440	8.581	101.7	Theo QĐ số 289
5	Tổng đàn gia súc	Con	8.228	8.368	101.7	Theo QĐ số 289
6	Tổng đàn gia cầm	Con	117.161	115.000	98.2	
7	Trồng rừng tập trung	ha	155	130	83.9	
-	Chăm sóc rừng trồng	ha	439.17	439.17	100.0	
8	Sản lượng khai thác hải sản	Tấn	2.5	2.5	100.0	
9	Xây dựng thôn thôn mới kiểu mẫu	Thôn	1	1	100.0	
10	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn ở nông thôn	%	98	98	100.0	
11	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn	%	81	81	100.0	

12	Tỷ lệ hộ nghèo	%	1.73	1.21		Theo QĐ số 289
-	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	1.41	1.22	86.5	
B	CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI					
13	Huy động trẻ em đúng độ tuổi đến trường	%	100	100	100.0	
14	Giữ vững xã đạt chuẩn về y tế	xã	1	1	100.0	
15	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	97.29	95	97.6	
-	Thôn văn hóa	%	7	7	100.0	
16	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	39	38	97.4	
17	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	70	65	92.9	
18	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	81.13	95	117.1	
C	NỘI CHÍNH, QUỐC PHÒNG - AN NINH					
19	Chỉ tiêu giao quân	%	100	100	100.0	
20	Xã vững mạnh về quốc phòng an ninh	%	100	100	100.0	
21	Phấn đấu giảm tiêu chí tai nạn giao thông	Tiêu chí	3	3	100.0	
22	Tỷ lệ giải quyết vụ khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền	%	85	85	100.0	

*** Ghi chú:** Theo QĐ số 289 (Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)